

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thành.

2. Ông Nguyễn Đức Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXX-ST ngày 15/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐ-ST ngày 05/7/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xã Dân T, huyện Võ Nh, tỉnh Thái Ng.

***Bị đơn:** Anh Giáp Anh T, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tám, xã Xương L, huyện Lạng Gi, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của anh Giáp Anh T tại Việt Nam là thôn Tám, xã Xương L, huyện Lạng Gi, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 22/4/2021, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giáp Anh T có được tự do tìm trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 31/5/2017 tại UBND Xã Dân T, huyện Võ Nh, tỉnh Thái Ng. Trong quá trình chung sống anh Tuấn thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến ngày 15/6/2017 anh Tuấn đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian đi xuất khẩu anh có ngoại tình và không liên lạc gì với chị, anh chỉ nhắn lại ở nhà làm giấy tờ ly hôn và nói bên kia anh cũng có vợ con rồi. Từ khi đi lao động anh Tuấn chưa về thăm gia đình lần nào vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau không còn liên lạc và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Anh T.

Về con chung: Anh chị không có con chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L còn trình bày: Chị đã lâu không liên lạc được với anh Tuấn nên chị không biết được địa chỉ của anh Tuấn ở đâu nên không cung cấp cho Tòa án được. Chị chỉ cung cấp địa chỉ cuối cùng của anh Tuấn ở Việt Nam là tại thôn Tám, xã Xương L, huyện Lạng Gi, tỉnh B. Chị đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh Tuấn thông qua mẹ anh Tuấn là bà Lê Thị S có địa chỉ tại thôn Tám, xã Xương L, huyện Lạng Gi, tỉnh B cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của anh Tuấn ở nước ngoài cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh Tuấn được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Giáp Anh T.

Bị đơn anh Giáp Anh T hiện đang lao động tại nước ngoài không có bản tự khai.

Ngày 07/5/2021 và ngày 20/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã có biên bản làm việc với bà Lê Thị S, sinh năm 1973 là mẹ đẻ của anh Giáp Anh T để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà S thông báo cho anh Tuấn biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị L và anh Giáp Anh T; yêu cầu anh Tuấn viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà S

cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tuấn ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà S vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Tuấn ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tuấn ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh Tuấn đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tuấn biết để anh Tuấn gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Tuấn gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Giáp Anh T vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị L; Biên bản làm việc với bà S là mẹ đẻ của anh Tuấn là và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Giáp Anh T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Giáp Anh T; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh Giáp Anh T là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Giáp Anh T.

Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Trần Thị L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị L.

Đối với bị đơn anh Giáp Anh T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Tuấn là bà Lê Thị S để giao thông báo thụ

lý vụ án, yêu cầu bà S thông báo cho anh Tuấn biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị L và anh Giáp Anh T, yêu cầu bà S cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tuấn ở nước ngoài. Bà Lê Thị S trình bày: Anh Tuấn vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà S vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Tuấn cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tuấn biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Giáp Anh T theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Trần Thị L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Giáp Anh T, anh Tuấn hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 05/5/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh Tuấn xuất nhập cảnh ngày 05/6/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Tuấn ở Việt Nam là: Thôn Tám, xã Xương L, huyện Lạng Gi, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Giáp Anh T kết hôn ngày 31/5/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Xã Dân T, huyện Võ Nh, tỉnh Thái Ng. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày: Trong quá trình chung sống anh Tuấn thường xuyên chơi lô đề cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến ngày 15/6/2017 anh Tuấn đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian đi xuất khẩu anh có ngoại tình và không liên lạc gì với chị, anh chỉ nhắn lại ở nhà làm giấy tờ ly hôn và nói bên kia anh cũng có vợ con rồi. Từ khi đi lao động anh Tuấn chưa về thăm gia đình lần nào vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau không còn liên lạc và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị L. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn với nhau được một thời gian ngắn thì cuộc sống hôn nhân của chị L và anh Tuấn đã không hạnh phúc, đến tháng 6/2017 anh đã đi lao động xuất khẩu tại

nước ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không quan tâm liên lạc gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Tuấn đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Giáp Anh T.

[4]. Về con chung: Chị L và anh Tuấn chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí:Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Giáp Anh T.

2.Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000047 ngày 04/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Trần Thị L đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Giáp Anh T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Dân Tiến, huyện Võ Nh, tỉnh Thái Ng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Kha Hoàng Văn Thành

Trần Thị Hà

